



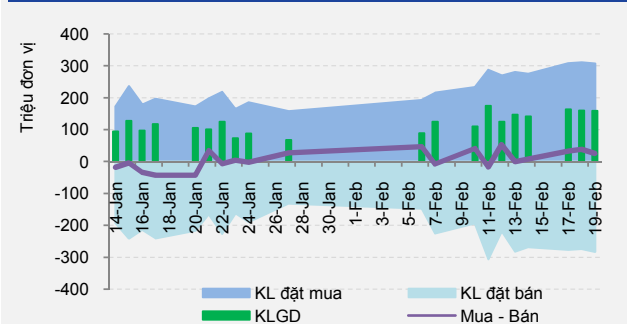
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 19/2/2014

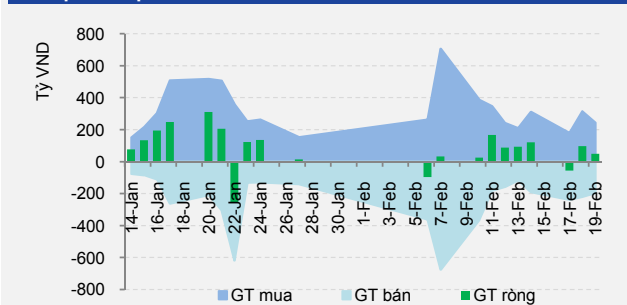
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	578.1	82.3
% Thay đổi	↑ 0.6%	↑ 1.6%
KLGD (CP)	159,097,280	106,756,777
GTGD (tỷ đồng)	2,551.95	1,074.61
Tổng cung (CP)	281,721,470	146,612,500
Tổng cầu (CP)	307,144,000	161,063,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,668,280	455,042
KL mua (CP)	6,787,910	2,161,500
GTmua (tỷ đồng)	244.35	31.11
GT bán (tỷ đồng)	195.61	11.11
GT ròng (tỷ đồng)	48.74	20.00

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 3.33%	8.2	1.9	3.1%
Công nghiệp	↑ 1.97%	244.4	1.3	22.1%
Dầu khí	↑ 3.18%	9.0	1.9	3.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.59%	16.4	2.2	1.6%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.78%	10.1	3.1	1.1%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.28%	13.3	4.9	11.6%
Ngân hàng	↑ 0.36%	14.7	1.3	9.4%
Nguyên vật liệu	↑ 0.66%	11.3	2.2	8.8%
Tài chính	↑ 1.25%	17.5	2.5	34.2%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.05%	11.6	4.1	5.1%
VN - Index	↑ 0.62%	14.2	3.0	70.3%
HNX - Index	↑ 1.59%	20.8	1.7	29.7%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,802,370	1.1%	2,188,700	1.4%
GTGD (tỷ VND)	34,900	1.4%	55,477	2.2%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm với KLGD tích cực. Dòng tiền đổ vào thị trường vẫn trong xu hướng tăng mạnh và có sự luân chuyển nhanh chóng. Nhóm cổ phiếu midcap và penny duy trì vị trí tâm điểm thu hút dòng tiền, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu BĐS, chứng khoán. Dòng tiền vào nhóm cổ phiếu lớn sau thời gian tăng giá đang chậm lại, nhưng nhìn chung mức độ điều chỉnh giảm không nhiều. Thị trường vẫn đang trong xu hướng tăng điểm với ngưỡng cân kỹ thuật quan trọng là khoảng 590-600 điểm. Áp lực chốt lời dự báo vẫn tiếp tục ở mức cao trong những phiên giao dịch tới. Tuy nhiên, dòng tiền dịch chuyển lịch hoạt, cổ phiếu tăng giảm theo từng phân lớp vẫn cho tín hiệu tích cực về xu hướng, khi dòng tiền bán ra chưa có tín hiệu rút khỏi thị trường. Thị trường dự báo vẫn trong chiều hướng tăng điểm, trước khi xuất hiện sự giằng co mạnh hơn tại ngưỡng cân kỹ thuật.

Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm mạnh với thanh khoản tiếp tục gia tăng. Dòng tiền vẫn đang đổ mạnh vào sàn HNX, số lượng cổ phiếu tăng điểm mở rộng hơn đáng kể so với giai đoạn trước. Nhóm cổ phiếu chiếm tỷ trọng cao trong chỉ số HNX-Index như nhóm dầu khí, Ngân hàng, chứng khoán, xây dựng tiếp tục là tâm điểm thu hút dòng tiền. Chỉ số HNX-Index đang trong xu hướng tăng điểm với ngưỡng cân kỹ thuật quan trọng khoảng 84 điểm. Áp lực chốt lời dự báo tiếp tục ở mức cao trong phiên giao dịch tới, khi chỉ số chung đã tiến gần ngưỡng kháng cự, và chỉ báo động lực thị trường RSI tiếp tục tiến sâu vào mức quá mua.

Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì, nhằm chủ động trước diễn biến thị trường tại ngưỡng cân kỹ thuật. Nhà đầu tư cũng có thể xem xét chốt lời nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng, nhằm tối đa hóa hiệu quả đầu tư.

- Chỉ số VN-Index tăng 3.56 điểm (0.62%), lên 578.12 điểm, sát giá mở cửa và sát mức cao nhất trong phiên (578.8 điểm). Mức thấp nhất trong phiên là 573.86 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 1.29 điểm (1.59%), lên 82.33 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- Kho bạc Nhà nước vừa có văn bản gửi các thành viên đầu thầu trái phiếu chính phủ và Sở GD&ĐT Hà Nội về kế hoạch phát hành các loại trái phiếu chính phủ năm 2014. Theo đó, trong tổng khối lượng trái phiếu phát hành năm 2014 là 210.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất là các kỳ hạn ngắn: dưới 1 năm là 40.000 tỷ đồng; 2 năm: 55.000 tỷ đồng và kỳ hạn 3 năm là 60.000 tỷ đồng. Trong khi đó, các kỳ hạn từ 5 năm trở lên chiếm tỷ trọng thấp hơn với kỳ hạn 5 năm huy động 40.000 tỷ đồng, 10 năm: 10.000 tỷ đồng và kỳ hạn 15 năm là 5.000 tỷ đồng.

- Lãi suất đầu thầu TPCP trong gần 2 tháng đầu năm theo chiều hướng giảm khoảng 1%, khi thanh khoản toàn hệ thống Ngân hàng dồi dào và chỉ số CPI được kiểm soát ở mức thấp. Dự báo lãi suất đầu thầu trái phiếu sẽ tiếp tục xu hướng giảm trong thời gian tới, khi lượng trái phiếu đáo hạn trong 2 tháng đầu năm khá nhiều (khoảng 16 nghìn tỷ đồng), trong khi tăng trưởng tín dụng vẫn ở mức thấp.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 3.56 điểm (0.62%), lên 578.12 điểm, sát giá mở cửa và sát mức cao nhất trong phiên (578.8 điểm). Mức thấp nhất trong phiên là 573.86 điểm.

- KLGD tiếp tục duy trì ở mức cao 153 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng nhẹ lên mức 76.8 điểm, tâm lý nhà đầu tư vẫn khá tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm với KLGD tích cực. Dòng tiền đổ vào thị trường vẫn trong xu hướng tăng mạnh và có sự luân chuyển nhanh chóng. Nhóm cổ phiếu midcap và penny duy trì vị trí tâm điểm thu hút dòng tiền, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu BĐS, chứng khoán. Dòng tiền vào nhóm cổ phiếu lớn sau thời gian tăng giá đang chậm lại, nhưng nhìn chung mức độ điều chỉnh giảm không nhiều.

Thị trường vẫn đang trong xu hướng tăng điểm với ngưỡng cân kỹ thuật quan trọng là khoảng 590-600 điểm. Áp lực chốt lời dự báo vẫn tiếp tục ở mức cao trong những phiên giao dịch tới. Tuy nhiên, dòng tiền dịch chuyển lịch hoạt, cổ phiếu tăng giảm theo từng phân lớp vẫn cho tín hiệu tích cực về xu hướng, khi dòng tiền bán ra chưa có tín hiệu rút khỏi thị trường. Thị trường dự báo vẫn trong chiều hướng tăng điểm, trước khi xuất hiện sự giảm mạnh hơn tại ngưỡng cân kỹ thuật. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì. Nhà đầu tư cũng có thể xem xét chốt lời nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng, nhằm tối đa hóa hiệu quả đầu tư.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index tăng 1.29 điểm (1.59%), lên 82.33 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- KLGD tăng 12% so với phiên trước, lên 104 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 92.8 điểm, tiếp tục tiến sâu vào mức quá mua. Đường MACD 9 đang nở rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm mạnh với thanh khoản tiếp tục gia tăng. Dòng tiền vẫn đang đổ mạnh vào sàn HNX, số lượng cổ phiếu tăng điểm mở rộng hơn đáng kể so với giai đoạn trước. Nhóm cổ phiếu chiếm tỷ trọng cao trong chỉ số HNX-Index như: nhóm dầu khí, Ngân hàng, chứng khoán, xây dựng tiếp tục là tâm điểm thu hút dòng tiền.

Chỉ số HNX-Index đang trong xu hướng tăng điểm với ngưỡng cân kỹ thuật quan trọng khoảng 84 điểm. Áp lực chốt lời dự báo tiếp tục ở mức cao trong phiên giao dịch tới, khi chỉ số chung đã tiến gần ngưỡng kháng cự, và chỉ báo động lực thị trường RSI tiếp tục tiến sâu vào mức quá mua. Tuy nhiên, dòng tiền có sự luân chuyển linh hoạt giữa từng nhóm cổ phiếu vẫn cho tín hiệu tích cực về lực cầu.

Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì, nhằm chủ động trước diễn biến thị trường tại ngưỡng cân kỹ thuật. Nhà đầu tư cũng có thể xem xét chốt lời nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng, nhằm tối đa hóa hiệu quả đầu tư.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.42
2	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.13
3	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.09
4	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.30
5	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.24
6	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.00
7	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	17.96
8	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	1.91
9	TC6	HNX	1187.01	-9.2%	97.17	1690.3%	4262.51	5.9%	59.07	34.3%	126.0%	4.38
10	TCS	HNX	1158.46	44.8%	147.27	1195.3%	3851.24	15.5%	48.96	9.9%	96.7%	7.02

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
2	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.24
3	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
4	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	48.99
5	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.33
6	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	4.84
7	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.00
8	VHG	HOSE	19.32	-44.2%	7.77	154.8%	186.59	10.9%	83.29	330.3%	-416.5%	0.36
9	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.95
10	HGD	HOSE	664.6	24.1%	40.44	-36.4%	1232.33	32.4%	97.85	320.9%	163.1%	6.29

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

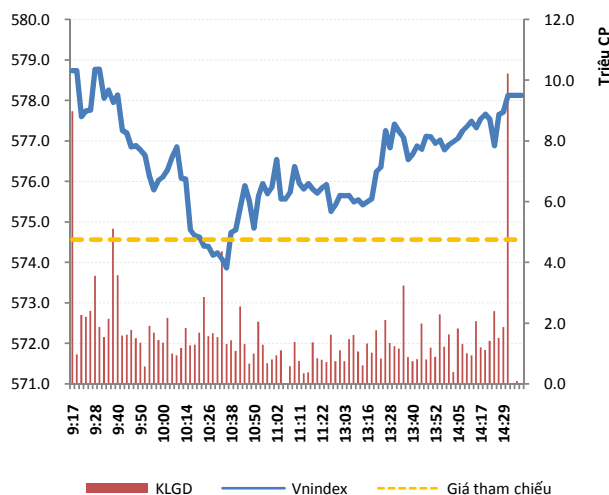
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.50
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.95
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	30.37
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.44
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.48
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.27
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.47
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.32
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.95
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.93

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 18/02/2014

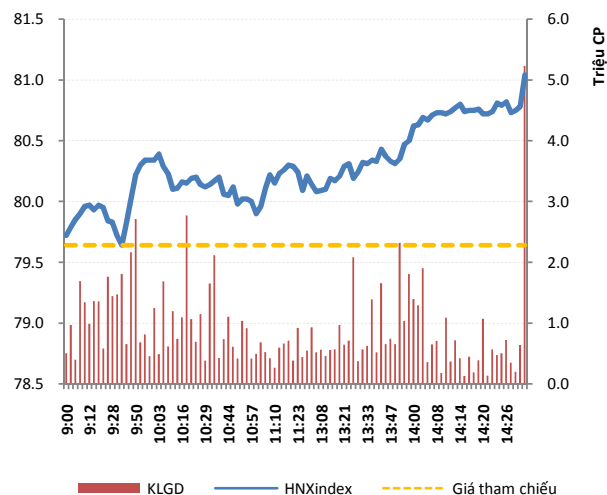


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

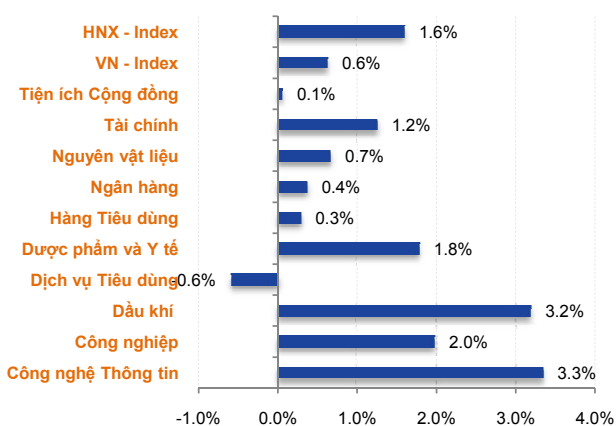
KLGD và VN-Index trong phiên



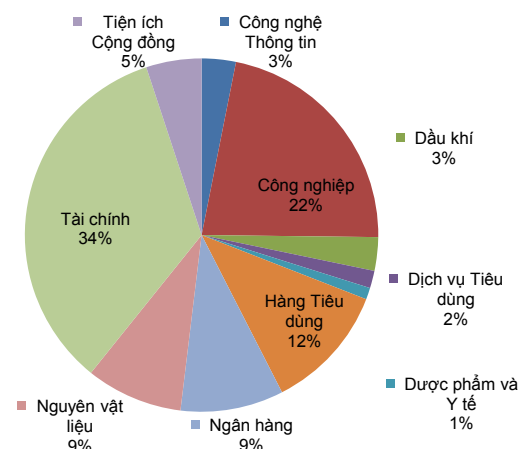
KLGD và HNX-Index trong phiên



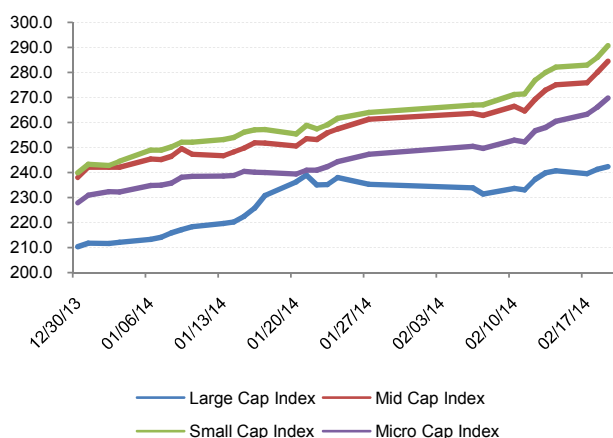
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



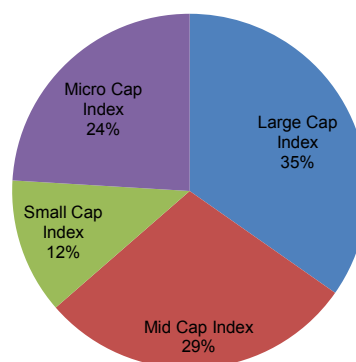
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DIG	391,570	KBC	1,277,400
2	DXG	354,000	LSS	189,010
3	VCB	337,200	QCG	145,000
4	ITA	230,210	GMD	140,450
5	BID	202,590	DPM	122,780

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	473,400	AAA	100,000
2	VND	244,958	TC6	33,500
3	HOM	229,100	PVC	30,800
4	VCG	161,200	BVS	21,000
5	SDH	146,200	KLS	20,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	7.8	7.9	↑ 1.28%	7,788,400
FLC	10.9	11.2	↑ 2.75%	5,519,510
VHG	9.8	10.0	↑ 2.04%	5,031,690
HAG	25.9	26.2	↑ 1.16%	4,921,500
SSI	24.9	25.7	↑ 3.21%	4,899,640

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	8.5	9.0	↑ 5.88%	17,077,750
PVX	3.8	3.7	↓ -2.63%	9,504,075
SCR	9.0	9.0	→ 0.00%	9,159,564
VCG	13.9	15.0	↑ 7.91%	8,224,812
KLS	11.5	12.0	↑ 4.35%	6,323,709

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TTF	8.6	9.2	0.6	↑ 6.98%
PGI	10.1	10.8	0.7	↑ 6.93%
TSC	10.1	10.8	0.7	↑ 6.93%
SGT	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
BCI	23.3	24.9	1.6	↑ 6.87%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KSK	12.0	15.6	3.6	↑ 30.00%
BHT	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
CTX	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
HBE	6.0	6.6	0.6	↑ 10.00%
PHC	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
C47	21.5	20.0	-1.5	↓ -6.98%
HSI	4.6	4.3	-0.3	↓ -6.52%
VNG	6.2	5.8	-0.4	↓ -6.45%
VLF	6.5	6.1	-0.4	↓ -6.15%
SVT	7.1	6.7	-0.4	↓ -5.63%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCM	12.0	10.8	-1.2	↓ -10.00%
CCM	12.3	11.1	-1.2	↓ -9.76%
SAP	15.4	13.9	-1.5	↓ -9.74%
C92	15.7	14.2	-1.5	↓ -9.55%
BDB	6.3	5.7	-0.6	↓ -9.52%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	7,788,400	0.7%	74	106.7	0.7
FLC	5,519,510	7.9%	663	16.9	1.4
VHG	5,031,690	20.8%	2,221	4.5	0.8
HAG	4,921,500	8.0%	1,372	19.1	1.5
SSI	4,899,640	9.9%	1,471	17.5	1.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	17,077,750	7.6%	854	10.5	0.8
PVX	9,504,075	-115.4%	(5,275)	-	1.8
SCR	9,159,564	0.4%	53	169.8	0.6
VCG	8,224,812	10.0%	1,233	12.2	1.2
KLS	6,323,709	5.5%	716	16.8	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TTF	↑ 7.0%	-0.2%	(30)	(308.4)	0.7
PGI	↑ 6.9%	7.9%	949	11.4	0.9
TSC	↑ 6.9%	2.5%	397	27.2	0.7
SGT	↑ 6.9%	1.3%	72	43.2	0.6
BCI	↑ 6.9%	5.4%	1,329	18.7	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KSK	↑ 30.0%	8.4%	625	10.5	1.4
BHT	↑ 10.0%	1.9%	179	24.5	0.5
CTX	↑ 10.0%	10.9%	1,660	5.3	0.5
HBE	↑ 10.0%	0.0%	(3)	(2,111.5)	0.6
PHC	↑ 10.0%	-7.6%	(1,069)	(4.1)	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	391,570	1.9%	318	54.7	1.1
DXG	354,000	13.9%	1,557	10.0	1.6
VCB	337,200	10.3%	1,878	15.5	1.6
ITA	230,210	0.7%	74	106.7	0.7
BID	202,590	13.7%	1,543	10.8	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	473,400	7.6%	854	10.5	0.8
VND	244,958	10.8%	1,247	12.8	1.3
HOM	229,100	0.2%	24	364.2	0.7
VCG	161,200	10.0%	1,233	12.2	1.2
SDH	146,200	-8.1%	(611)	-	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	157,285	40.8%	6,535	12.7	4.7
VNM	115,852	39.6%	7,839	17.7	6.6
VIC	71,398	47.7%	7,380	10.6	4.0
MSN	69,082	3.0%	611	153.8	4.6
VCB	67,437	10.3%	1,878	15.5	1.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,836	6.6%	886	18.2	1.2
PVS	14,026	21.0%	3,568	8.8	1.7
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	7,975	7.6%	854	10.5	0.8
VCG	6,626	10.0%	1,233	12.2	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	4.26	491.0%	(10,149)	-	(0.3)
CMT	3.04	7.1%	1,084	10.6	0.7
HAX	2.65	2.8%	212	30.1	0.8
HVX	2.48	-7.7%	(703)	-	0.9
MHC	2.39	14.9%	1,154	5.2	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ITQ	4.59	2.5%	266	22.6	0.6
YBC	4.52	-94.4%	(4,398)	-	2.3
QCC	4.46	1.9%	268	16.4	0.3
VCG	3.70	10.0%	1,233	12.2	1.2
HHG	3.59	1.7%	164	19.5	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)